

TÒA ÁN ND HUYỆN VĨNH LỘC
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25 /2017/ HS-ST

Ngày: 13/7/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC - TỈNH THANH HOÁ

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Ngô Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Dũng
2. Ông Nguyễn Văn Vinh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Bùi Xuân Lịch - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 7 năm 2017 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2017/HSST ngày 05 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Trịnh Văn L; Sinh trú quán: Thôn L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do ; Trình độ văn hoá: 9/12 ;Bố đẻ: Trịnh Văn S, Mẹ đẻ: Lê Thị M; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Nguyễn Thị Đ; Bị cáo có 01 con sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/10/2016, đến ngày 27/10/2016 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 11/5/2017 bị cáo bị bắt tạm giam theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 01/CSĐT ngày 11/5/2017 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Lộc. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt tại phiên toà.

2. Tr^hnh Ngọc T; Sinh trú quán: Thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; B^ố đ^ẻ: Tr^hnh Ngọc L; M^ẹ đ^ẻ: Lê Thị K; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Chưa có vợ.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên toà.

NHÂN THẤY

Các bị cáo Tr^hnh Văn L và Tr^hnh Ngọc T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 18/10/2016 tổ công tác Công an huyện Vĩnh Lộc, công an xã Vĩnh Tân đang làm nhiệm vụ tại xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã phát hiện ba đối tượng gồm: Tr^hnh Văn L, sinh năm 1998; Tr^hnh Hữu N, sinh năm 1997 và Tr^hnh Văn Q sinh năm 1998 có biểu hiện nghi vấn tiêu thụ tài sản bất hợp pháp. Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra ba đối tượng nêu trên cùng ba chiếc xe máy do các đối tượng này sử dụng gồm: 01(một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA FUTUREX màu đen-vàng- xám, BKS 35B1- 16601 do Tr^hnh Văn L sử dụng; 01(một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, màu đen -vàng, BKS 36B5- 33875 do Tr^hnh Văn Q sử dụng; 01(một) xe mô tô SIRIUS BKS: 36B5-28696 do Tr^hnh Hữu N sử dụng. Quá trình kiểm tra ba đối tượng nêu trên đã không xuất trình được bất kỳ giấy tờ tài liệu gì chứng minh nguồn gốc của ba chiếc xe kể trên. Tổ công tác đã đưa ba đối tượng này về Công an huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa để tiến hành kiểm tra, xác minh làm rõ.

Quá trình điều tra đủ căn cứ xác định như sau:

Vào trưa ngày 12/10/2016 Nguyễn Văn M người ở tỉnh Ninh Bình gọi điện thoại cho Trịnh Ngọc T nhờ T cho cầm chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA FUTUREX BKS 35B1- 16601. T hẹn M đến gần cầu Yên Hoàn, Yên Định để giao dịch. Tại cầu Yên Hoàn, T đã đồng ý cho M cầm chiếc xe kể trên với giá 4.000.000đ (bốn triệu đồng), M hẹn một tuần sau sẽ quay lại lấy xe. Quá trình cho M cầm cố xe, T đã hỏi M về nguồn gốc và giấy tờ xe thì được M trả lời: “Xe nhà anh, giấy tờ bố anh cầm”. Mấy ngày sau do cần tiền trả nợ nên T gọi điện cho M nhưng không liên lạc được. Lúc này T nhận thức được mình bị lừa và nghĩ rằng chiếc xe mà M cầm cố cho mình là do trộm cắp mà có. Tuy nhiên tối ngày 14/10/2016 T đã gọi cho Trịnh Văn L xin cầm cố chiếc xe này cho L. Trước đó tại cổng làng L, xã T, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa T có gặp L và nói cho L biết về nguồn gốc chiếc xe là do người khác trộm cắp được ở tỉnh Ninh Bình. Tuy biết chiếc xe là do trộm cắp mà có nhưng L vẫn đồng ý cho T cầm cố với số tiền là 7.100.000đ (Bảy triệu một trăm nghìn đồng). T hẹn vài ngày sau sẽ đến lấy lại xe và trả tiền cho L, nhưng đến hẹn T vẫn không đến chuộc xe. Đến khoảng 11 giờ 30 phút ngày 18/10/2016 Hoàng Đạt Q gọi điện cho T bảo có người muốn mua xe, T đã nhờ Q đi bán xe, đồng thời T gọi điện cho L mang chiếc xe mà T đã cầm cố cho L trước đó ra quán Nét thuộc thôn L, xã B, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa để cùng với Q sang huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa để tiêu thụ. L đồng ý nhận lời T đi bán chiếc xe cùng với Hoàng Đạt Q với mục đích là nếu bán được xe thì sẽ lấy lại số tiền mà L đã cho T cầm cố trước đó. L điều khiển chiếc xe FUTUREX, BKS 35B1-16601, Q điều khiển chiếc xe Dream của Q cùng đi sang xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc để tiêu thụ. Mục đích của Q là nếu giá thấp sẽ mua chiếc xe này để sử dụng, tuy nhiên Q không nói mục đích của mình cho T và L biết mà nói là mua hộ cho người nhà. Khi L và Q đi đến ngã ba thuộc xóm Trung, xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa thì Q đề nghị đổi xe và nói với L đứng ở đây chờ để Q mang xe đi bán. Sau khi đổi xe cho L thì Q điều khiển chiếc xe FUTUREX BKS 35B1- 16601 đi về gần đến nhà ở của mình và gọi điện cho T hỏi về giá cả chiếc xe, T ra giá 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Q nghĩ là chiếc xe có giá cao nên Q không mua nữa và quay ra trả lại xe cho L. L nhận xe từ Q và đi về nhà. Khi về đến khu vực Cầu Hoàn thì L gặp Trịnh Hữu N và Trịnh Văn Q đang điều

khiển chiếc xe mô tô EXCITER, màu đen – vàng, BKS 36B5- 33875 và xe mô tô SIRIUS BKS 36B5-28696. Tại đây L, Q, N cùng rủ nhau đi ăn trưa và khi đang ăn trưa tại quán ăn nhà anh Tống Duy N ở xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa thì bị lực lượng công an huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa phát hiện kiểm tra.

Ngoài ra quá trình điều tra còn có căn cứ xác định: Ngày 11/10/2016 Trịnh Văn L mua chiếc xe YAMAHA EXCITER, màu đen - vàng, BKS 36B5- 33875 của Trần Văn C với số tiền là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) nhằm mục đích để sử dụng. Trong quá trình giao dịch mua bán xe Trịnh Văn L đã hỏi Cảnh về nguồn gốc xe thì được C trả lời với nội dung: “ Xe được một thằng ở Thiệu Hóa trộm ở Tĩnh Gia”. Do đang cần phương tiện đi lại và giá xe rẻ nên Trịnh Văn L dù biết là xe do trộm cắp mà có nhưng vẫn mua của C. Lúc đầu chiếc xe được gắn BKS 36N8-5306 sau đó L và C đã tháo BKS này ra và gắn BKS 29L6- 9999 vào. Đến chiều ngày 12/10/2016 tại một quán Nét ở xã Định Tường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, L gặp Trịnh Hữu H là người bạn cùng thôn với L. Tại đây H đã hỏi mua lại chiếc xe mô tô mà L vừa mua của C. L đã đồng ý bán lại chiếc xe cho H với giá 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Quá trình mua bán xe với H thì L không nói cho H biết về nguồn gốc chiếc xe, chỉ nói là xe không có giấy tờ nhưng H vẫn mua. Sau đó Trịnh Hữu H đã tháo biển số xe 29L6- 9999 ra và lắp biển số xe 36B5-33875 của mình vào và dán thêm đề can. Ngày 18/10/2016 H cho Trịnh Văn Q mượn chiếc xe này để sử dụng và đã bị lực lượng Công an huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa kiểm tra phát hiện.

Đối với chiếc xe mô tô SIRIUS BKS 36B5-28696 do Trịnh Hữu N sử dụng. Quá trình điều tra xác minh đã xác định được chiếc xe là của bà Nguyễn Thị N (mẹ của Trịnh Hữu N) không liên quan gì đến vụ án. Do đó ngày 27/10/2016 Cơ quan CSĐT đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Nguyễn Thị N.

Ngày 24/10/2016 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản số 455/CSĐT đối với chiếc xe mô tô HONDA FUTUREX BKS 35B1- 16601 và số 456/CSĐT đối với chiếc xe YAMAHA EXCITER, BKS 36B5- 33875. Tại bản kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐ ĐGTS ngày 26/10/2016 của Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Lộc

đối với chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA FUTUREX, màu đen - vàng - xám, BKS 35B1- 16601 có giá trị là 17.800.000đ (Mười bảy triệu tám trăm nghìn đồng) tại thời điểm định giá. Tại bản kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐ ĐGTS ngày 26/10/2016 của Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Lộc đối với chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, màu đen - vàng, BKS 36B5- 33875 có giá trị là 5.800.000đ (năm triệu tám trăm nghìn đồng) tại thời điểm định giá.

Quá trình điều tra mở rộng vụ án Cơ quan CSĐT đã làm việc với Trần Văn C, C khai báo đã mua lại chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, BKS 36B5- 33875 từ Trịnh Văn D. Cơ quan CSĐT cũng đã làm việc với Trịnh Văn D nhưng D không thừa nhận việc bán chiếc xe trên cho C. Quá trình tiếp tục xác minh về nguồn gốc chiếc xe YAMAHA EXCITER, BKS 36B5- 33875 thì Trần Văn C đã đi khỏi địa phương, vì vậy chưa có đủ tài liệu chứng cứ để xác định C mua chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, BKS 36B5- 33875 từ ai, khi mua có biết về nguồn gốc chiếc xe hay không. Vì vậy chưa có đủ căn cứ để chứng minh Trần Văn C và Trịnh Văn D có hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, Cơ quan CSĐT sẽ tiếp tục điều tra xác minh trong một vụ án khác.

Đối với Trịnh Hữu H, quá trình điều tra Cơ quan CSĐT đã tiến hành triệu tập, xác minh nhiều lần nhưng H không có mặt tại địa phương. Đến ngày 21/4/2017 Cơ quan CSĐT đã làm việc được với Trịnh Hữu H, tuy nhiên H không thừa nhận khi mua bán chiếc xe YAMAHA EXCITER, BKS 36B5- 33875 với Trịnh Văn L, H có biết về nguồn gốc chiếc xe là do trộm cắp mà có. Đến nay H tiếp tục vắng mặt tại địa phương, cơ quan CSĐT đã tiến hành triệu tập xác minh nhiều lần nhưng không làm việc được với H. Vì vậy chưa đủ cơ sở để xử lý Hoàng về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Cơ quan CSĐT sẽ tiếp tục điều tra trong một vụ án khác.

Đối với Hoàng Đạt Q mặc dù đã có mục đích mua chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA FUTUREX, BKS 35B1- 16601 và đã có hành vi đưa chiếc xe này cùng với Trịnh Văn L sang Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa để tiêu thụ nhưng quá trình điều tra không chứng minh được trước khi đi tiêu thụ chiếc xe kể trên Q có biết về nguồn gốc chiếc xe đó hay không. Do vậy không có đủ căn cứ xử lý Hoàng Đạt Q về hình sự.

Về vật chứng của vụ án là chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA FUTUREX, màu đen - vàng -xám, BKS 35B1- 16601 và Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, màu đen - vàng, BKS 36B5- 33875, căn cứ vào tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra xác định: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA FUTUREX, màu đen - vàng - xám, BKS 35B1- 16601 là của anh Lê Văn B. Anh B bị mất trộm chiếc xe này vào ngày 12/10/2016. Hiện tại chiếc xe đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Lê Văn B theo Quyết định xử lý vật chứng số 03/CSĐT ngày 14/12/2016. Anh Lê Văn B không có yêu cầu gì thêm.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, màu đen - vàng, BKS 36B5- 33875 là của ông Hoàng Văn T. Ông T bị mất trộm chiếc xe này vào ngày 01/02/2016. Tại thời điểm bị mất chiếc xe có BKS 36K5- 002.66. Hiện tại chiếc xe đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Hoàng Văn T theo Quyết định xử lý vật chứng số 04/CSĐT ngày 14/12/2016, ông Hoàng Văn T không có yêu cầu gì thêm.

Đối với Biển số xe 36N8-5306 Cơ quan CSĐT thu của Trần Văn C và Biển số xe 36B5-33875 mang tên Trịnh Hữu H, được tháo ra từ chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, màu đen -vàng khi trả lại cho chủ sở hữu là ông Hoàng Văn T, hiện đang được lưu giữ tại kho vật chứng Chi cục thi hành án huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa để xử lý theo pháp luật.

Tại cáo trạng số 23/CTr-KSĐT ngày 02/6/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã quyết định truy tố Trịnh Văn L và Trịnh Ngọc T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 BLHS.

Tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến tranh luận gì. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đồng thời đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 250; Điều 20; Điều 53; điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 1, khoản 2 điều 60 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc T 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 điều 48, khoản 1, khoản 2 điều 60 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Văn L 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều có thái độ ăn năn hối cải và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của các bị cáo.

XÉT THẤY

Lời khai nhận tội của các bị cáo Trịnh Văn L và Trịnh Ngọc T trong quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ liên quan có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Vào hồi 13 giờ ngày 18/10/2016 tại xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa Trịnh Văn L và Trịnh Ngọc T mặc dù biết rừ chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA FUTUREX, màu đen - vàng - xám, BKS 35B1- 16601 là tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng vẫn mang đi tiêu thụ với mục đích để lấy tiền tiêu sài cá nhân. Hành vi của các bị cáo đó phạm vào tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 250 BLHS.

- Xét tính chất mức độ hành vi của vụ án:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm minh để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và mang tính giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

- Xét vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo không có sự bàn bạc phân công từ trước nên xác định đây là đồng phạm giản đơn. Bị cáo Trịnh Ngọc T là người khởi xướng và thực hiện tội phạm tích cực nên giữ vai trò số 1

trong vụ án. Bị cáo Trịnh Văn L là người thực hiện hành vi phạm tội nhưng rất tích cực nên giữ vai trò số 2 trong vụ án.

- Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trịnh Ngọc T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo Trịnh Văn L: Việc L mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER màu đen - vàng BKS 36B5- 33875 của Trần Văn C cũng như hành vi bán chiếc xe này cho Trịnh Hữu H, mặc dù đã biết trước là tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng vẫn tiêu thụ. Vì vậy, bị cáo L phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự.

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trịnh Ngọc T lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải vì vậy được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trịnh Văn L lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã đầu thú, bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng vì vậy được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự.

- Xét nhân thân bị cáo:

Các bị cáo không có tiền án, tiền sự. Trước khi phạm tội có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, trình độ học vấn của bị cáo thấp nên trình độ hiểu biết pháp luật của các bị cáo còn nhiều hạn chế. Bị cáo Trịnh Văn L có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội là phù hợp với quy định tại điều 60 Bộ luật hình sự.

- Về xử lý vật chứng: Đối với biển kiểm soát số 36N8-5306 và biển kiểm soát số xe 36B5-33875 hiện đang đ-ợc thu giữ tại kho vật chứng Chi cục Thi hành

án huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa là vật chứng trong vụ án hiện đã cũ, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

- **Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Trịnh Ngọc T và Trịnh Văn L phạm tội: ***“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”***.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; Điều 20; Điều 53; điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trịnh Ngọc T 09(chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18(mười tám)tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trịnh Ngọc T cho UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; Điều 20; Điều 53; điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Trịnh Văn L 09(chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18(mười tám)tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trịnh Văn L cho UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp trong thời gian thử thách các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 69 luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 3 điều 227 BLTTHS:

Tuyên trả tự do cho bị cáo Trịnh Văn L ngay tại phiên toà.

-**Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 2 điều 76 BLTTHS:

Tịch thu tiêu hủy một biển kiểm soát số 36N8-5306 và Biển kiểm soát số 36B5-33875 (Tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa).

-Về án phí: Áp dụng khoản 1, khoản 2 điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trịnh Văn L, Trịnh Ngọc T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Công an huyện Vĩnh Lộc;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Thị Tuyết